

SINH KẾ BỀN VỮNG DỰA TRÊN VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

Đinh Trọng Thu¹, Đinh Thị Lam²

Tóm tắt: Phát triển sinh kế bền vững dựa trên khai thác giá trị văn hóa địa phương là một hướng đi quan trọng trong xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam. Nghiên cứu thực hiện tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - nơi có sự đa dạng văn hóa của các dân tộc Mường, Dao và Kinh - nhằm đánh giá thực trạng khai thác di sản văn hóa vật thể (nhà sàn, di tích, làng nghề) và phi vật thể (lễ hội Khai Hạ, dân ca Mường) phục vụ sinh kế. Sử dụng các phương pháp phân tích tài liệu, khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu, nghiên cứu cho thấy các mô hình như du lịch cộng đồng và OCOP, bước đầu tạo thu nhập cho người dân nhưng còn hạn chế do quy mô nhỏ, thiếu liên kết và chiến lược đồng bộ. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp gồm: hoàn thiện chính sách hỗ trợ, phát triển du lịch văn hóa - cộng đồng gắn với bảo tồn di sản, xây dựng mô hình kinh tế văn hóa phù hợp, nâng cao năng lực cộng đồng và cải thiện hạ tầng. Các giải pháp này góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững tại Lương Sơn.

Từ khóa: Phát triển nông thôn; Sinh kế bền vững; Văn hóa địa phương; Lương Sơn; Hòa Bình.

SUSTAINABLE LIVELIHOODS BASED ON LOCAL CULTURE IN THE DEVELOPMENT OF NEW RURAL AREAS IN LUONG SON DISTRICT, HOA BINH PROVINCE

Abstract: Sustainable livelihood development based on the exploitation of local cultural values is a strategic direction in the construction of new rural areas in Vietnam. The study was conducted in Luong Son district, Hoa Binh province - a region with rich cultural diversity of the Muong, Dao, and Kinh ethnic groups – to assess the current state of utilizing tangible (stilt houses, historical sites, traditional craft villages) and intangible (the Khai Ha Festival, Muong folk songs) cultural heritages for livelihoods. By utilizing methods namely document analysis, field surveys, and in-depth interviews, the study presents that existing models such as community-based tourism and the OCOP program have initially generated income for local people but remain limited due to small scale, weak linkages, and lack of coordinated strategies. On so doing, the study proposes solutions including policy improvement, development of cultural-community tourism associated with heritage conservation, building appropriate culture-based economic models, capacity building for communities, and infrastructure enhancement. These solutions aim to preserve cultural identity, increase income, and promote sustainable rural development in Luong Son.

Keywords: Sustainable livelihood; Local culture; Rural development; Luong Son; Hoa Binh.

^{1,2}ThS, Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, email liên hệ: dinhtrongthu2003@gmail.com.

Nộp bản thảo: 02/04/2025

Chấp nhận đăng: 05/8/2025

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở "Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình", theo Hợp đồng số 01/HĐKH-ĐLNV ngày 03 tháng 02 năm 2025.

1. Đặt vấn đề

Phát triển sinh kế bền vững dựa trên việc khai thác giá trị văn hóa địa phương là một hướng tiếp cận chiến lược trong chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tại Việt Nam. Văn hóa không chỉ đóng vai trò là nền tảng tinh thần của cộng đồng mà còn là nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại các vùng nông thôn giàu bản sắc truyền thống. Việc lồng ghép bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế không chỉ góp phần duy trì bản sắc dân tộc mà còn tạo cơ hội nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động phát triển. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu mối quan hệ giữa giá trị văn hóa và sinh kế bền vững là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa và xã hội trong quá trình xây dựng NTM.

Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình³, là một địa phương tiêu biểu với nền văn hóa đa dạng, được hình thành từ sự giao thoa của các dân tộc Mường, Dao và Kinh. Huyện hiện có 68 di tích văn hóa, trong đó 8 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia (gồm Hang Tầm, Hang Chỗ, Hang Núi Sáng, Động Mãn Nguyên, Hang Khụ Thượng, Động Đá Bạc, Hang Trung Sơn, Đình và Miếu Trung Báo) và 13 di tích cấp tỉnh, cùng 47 di tích được bảo vệ theo Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh Hòa Bình. Ngoài ra, Lương Sơn còn sở hữu các di sản văn hóa phi vật thể giá trị như lễ hội Khai Hạ, Mo Mường, dân ca Mường và nghề dệt thổ cẩm. Những di sản này không chỉ là biểu tượng của bản sắc văn hóa địa phương mà còn tạo tiềm năng lớn cho việc phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chẳng hạn như du lịch cộng đồng, sản xuất thủ công mỹ nghệ và quảng bá văn hóa.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa và tác động của biến đổi khí hậu đang gây ra nhiều thách thức đối với việc bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa tại Lương Sơn. Công tác bảo tồn hiện nay còn tồn tại nhiều hạn chế, bao gồm thiếu cơ chế hỗ trợ cụ thể, nguồn lực đầu tư hạn chế, sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các bên liên quan và vai trò chủ thể của cộng đồng chưa được phát huy đầy đủ. Bên cạnh đó, việc khai thác các giá trị văn hóa trong sinh kế của người dân cũng gặp không ít khó khăn như: thiếu kỹ năng và kiến thức để biến di sản văn hóa thành sản phẩm du lịch - dịch vụ; sự cạnh tranh ngày càng gay gắt với các loại hình sinh kế hiện đại; thu nhập từ hoạt động gắn với văn hóa còn bấp bênh; nguy cơ thương mại hóa và làm sai lệch bản sắc văn hóa; cùng với đó là sự mai một các nghề truyền thống do lớp trẻ ít mặn mà kế nghiệp. Những vấn đề này không chỉ làm giảm hiệu quả khai thác tài nguyên văn hóa mà còn đe dọa đến sự bền vững của các giá trị văn hóa truyền thống.

Các nghiên cứu trước đây về sinh kế bền vững tại Việt Nam thường tập trung vào phát triển nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động hoặc chuyển đổi cơ cấu kinh tế (World Bank, 2020).

³ Nay thuộc 3 xã là xã Lương Sơn (thị trấn Lương Sơn, các xã Hòa Sơn, Lâm Sơn, Nhuận Trạch, Tân Vinh và một phần xã Cao Sơn), xã Cao Sơn (xã Thanh Cao, Thanh Sơn, Cao Dương) và xã Liên Sơn (xã Cư Yên, xã Liên Sơn và phần còn lại xã Cao Sơn) thuộc tỉnh Phú Thọ mới.

Tuy nhiên, việc tích hợp giá trị văn hóa vào phát triển sinh kế, đặc biệt tại các khu vực miền núi như Lương Sơn, vẫn chưa được khai thác đầy đủ. Nhiều học giả trong nước cũng đã nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong phát triển sinh kế. Chẳng hạn, Trần Hữu Sơn (2017) trong công trình về văn hóa dân gian ứng dụng đã chỉ ra rằng việc gắn kết văn hóa bản địa với du lịch cộng đồng có thể tạo động lực phát triển kinh tế đi đôi với bảo tồn bản sắc. Một số nghiên cứu khác về du lịch cộng đồng tại Mai Châu, Hòa Bình cho thấy mô hình này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần nâng cao vị thế của cộng đồng địa phương trong quản lý và khai thác tài nguyên văn hóa (xem thêm Nguyễn Thị Thu Phương, 2019). Ở phạm vi quốc tế, Chambers và Conway (1992) với khái niệm sinh kế bền vững, hay Scoones (1998) với khung phân tích sinh kế, đều khẳng định văn hóa là một thành tố quan trọng trong vốn xã hội và nhân lực, song thường bị bỏ qua trong hoạch định phát triển. Thực tiễn từ các mô hình thành công như du lịch cộng đồng dựa trên văn hóa H'Mông tại Sa Pa, tỉnh Lào Cai, hay bảo tồn di sản văn hóa tại Hội An, tỉnh Quảng Nam, cho thấy việc lồng ghép văn hóa vào phát triển kinh tế không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo tính bền vững lâu dài (UNESCO, 1999; World Bank, 2022). Thực tiễn từ các mô hình thành công như du lịch cộng đồng dựa trên văn hóa H'Mông tại Sa Pa, tỉnh Lào Cai, hay bảo tồn di sản văn hóa tại Hội An, tỉnh Quảng Nam, cho thấy việc lồng ghép văn hóa vào phát triển kinh tế không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo tính bền vững lâu dài (World Bank, 2021). Các mô hình này cung cấp bài học kinh nghiệm quý giá về cách khai thác văn hóa như một nguồn lực kinh tế - xã hội.

Với vị trí địa lý gần Thủ đô Hà Nội và hệ thống tài nguyên văn hóa phong phú, Lương Sơn có tiềm năng lớn để phát triển các mô hình sinh kế gắn với văn hóa. Tuy nhiên, việc khai thác hiện nay còn mang tính nhỏ lẻ, thiếu chiến lược dài hạn và chưa tạo được tác động đáng kể đến đời sống người dân nông thôn. Địa phương cũng đối mặt với các thách thức như cơ chế chính sách chưa phù hợp, thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực chuyên môn, cùng với nhận thức chưa đầy đủ của cộng đồng về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

Bài viết nhằm đánh giá thực trạng khai thác giá trị văn hóa địa phương trong phát triển sinh kế bền vững tại huyện Lương Sơn; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển sinh kế bền vững dựa trên giá trị văn hóa; đề xuất các giải pháp khai thác hiệu quả giá trị văn hóa địa phương, góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới tại Lương Sơn.

Nghiên cứu không chỉ cung cấp cơ sở khoa học cho việc tích hợp văn hóa vào phát triển kinh tế mà còn góp phần định hướng các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững tại các vùng nông thôn giàu bản sắc văn hóa ở Việt Nam.

2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Nguồn dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ ba nhóm chính.

Thứ nhất, các văn kiện của Đảng, Quốc hội và Chính phủ như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các chỉ thị và nghị định liên quan đến phát triển văn hóa Việt Nam. Đây là cơ sở chính trị và pháp lý định hướng cho việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng NTM.

Thứ hai, nghiên cứu kế thừa thông tin từ các sách chuyên khảo, bài báo khoa học và báo cáo về văn hóa tỉnh Hòa Bình và huyện Lương Sơn. Các tài liệu này cung cấp thông tin về đặc điểm văn hóa, kinh tế - xã hội và tiến trình xây dựng NTM tại địa phương.

Thứ ba, dữ liệu được sử dụng từ kết quả đề tài "Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình" do Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững chủ trì. Đây là nguồn thông tin quan trọng, giúp đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển sinh kế bền vững dựa trên khai thác giá trị văn hóa địa phương.

2.2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập, tổng hợp dữ liệu

Thu thập từ văn kiện chính sách, tài liệu khoa học, báo cáo địa phương. Tổng hợp và phân tích có chọn lọc, làm rõ các luận điểm liên quan đến văn hóa và sinh kế.

Phương pháp điều tra xã hội học

Sử dụng phương pháp phỏng vấn theo bảng hỏi cấu trúc, kết hợp với kỹ thuật chọn mẫu mục tiêu (purposive sampling) - một hình thức chọn mẫu phi xác suất, trong đó các đối tượng được lựa chọn có chủ đích theo tiêu chí phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Bảng hỏi được xây dựng xoay quanh các nội dung: đặc điểm sinh kế, mức độ tham gia vào hoạt động văn hóa, và nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế nông thôn.

Tổng số 50 hộ gia đình được khảo sát, lựa chọn theo các tiêu chí cụ thể:

Hộ tham gia du lịch cộng đồng (19 hộ);

Hộ sản xuất thủ công truyền thống (15 hộ);

Nghệ nhân hoặc hộ tham gia biểu diễn dân ca, lễ hội (13 hộ);

Hộ sống gần di tích hoặc thực hành nghi lễ dân gian (13 hộ).

Các hộ được phân bổ tại ba xã tiêu biểu của huyện Lương Sơn: Cao Sơn (25 hộ), Lâm Sơn (15 hộ), và Nhuận Trạch (10 hộ). Mặc dù không có tính đại diện thống kê, phương pháp này cho phép tập trung vào các đối tượng tiêu biểu, từ đó cung cấp dữ liệu có chiều sâu phục vụ phân tích mối quan hệ giữa văn hóa địa phương và sinh kế bền vững.

Phương pháp phân tích dữ liệu

Phân tích định tính (content analysis): tổng hợp và phân loại các câu trả lời, nhận diện chủ đề chính liên quan đến vai trò và giá trị văn hóa trong sinh kế.

Phân tích định lượng mô tả: sử dụng thống kê tần suất, tỷ lệ để phản ánh đặc điểm nhóm hộ khảo sát, kết hợp thang đo Likert 5 mức (1 = rất thấp, 5 = rất cao) nhằm đo lường các tiêu chí như tần suất du khách, hiệu quả quảng bá, mức độ đáp ứng cơ sở hạ tầng, và tần suất tiêu thụ sản phẩm thủ công.

Mỗi tiêu chí được quy đổi ra điểm trung bình trên thang Likert hoặc tỷ lệ phần trăm, sau đó phân loại theo ba mức: Thấp: 1.0–2.5 hoặc < 20%; Trung bình: 2.6–3.5 hoặc 20–40%; và cao: 3.6–5.0 hoặc > 40%.

Cách phân tích này cho phép đối chiếu dữ liệu với khung sinh kế bền vững (SLF), từ đó xác định rõ vai trò, tiềm năng và hạn chế của việc khai thác giá trị văn hóa trong phát triển sinh kế địa phương.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Tổng hợp đặc điểm nhân khẩu, nghề nghiệp, và mức độ tham gia hoạt động văn hóa của 50 hộ gia đình tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, nhằm cung cấp cơ sở phân tích việc khai thác giá trị văn hóa địa phương trong phát triển sinh kế.

BẢNG 1. MÔ TẢ MẪU KHẢO SÁT (%)

Tiêu chí	Cao Sơn	Lâm Sơn	Nhuận Trạch	Tổng
Xã	50%	30%	20%	100%
Tuổi				
Dưới 25	8%	6,7%	0%	6%
25-40	40%	33,3%	30%	36%
41-60	40%	46,7%	50%	44%
Trên 60	12%	13,3%	20%	14%
Nghề nghiệp				
Nông nghiệp	20%	33,3%	40%	28%
Du lịch/homestay	48%	13,3%	10%	30%
Làng nghề thủ công	16%	40%	20%	24%
Kinh doanh	12%	6,7%	20%	12%
Khác	4%	6,7%	10%	6%
Loại hình văn hóa				
Du lịch cộng đồng	60%	20%	10%	38%
Làng nghề thủ công	20%	53,3%	20%	30%
Nghệ thuật dân gian	16%	26,7%	10%	18%
Lễ hội/âm thực	24%	26,7%	30%	26%
Gắn di tích	12%	13,3%	40%	18%
Khác	4%	0%	0%	2%
Thời gian tham gia				
Dưới 1 năm	8%	6,7%	10%	8%
1-5 năm	40%	33,3%	30%	36%
5-10 năm	32%	33,3%	30%	32%
Trên 10 năm	20%	26,7%	30%	24%
Số thành viên tham gia				
1 người	12%	20%	20%	16%
2-3 người	48%	46,7%	40%	46%
4-5 người	28%	26,7%	30%	28%
Trên 5 người	12%	6,7%	10%	10%
Tham gia OCOP (% có)	24%	33,3%	20%	26%
Nghệ nhân được công nhận (% có)	8%	13,3%	10%	10%

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả.

Phân bố mẫu, xã Cao Sơn 25 hộ chiếm 50% mẫu, phản ánh vai trò trung tâm du lịch cộng đồng, xã Lâm Sơn 15 hộ chiếm 30% mẫu, và xã Nhuận Trạch 10 hộ chiếm 20% mẫu.

Về cơ cấu tuổi, nhóm 41-60 tuổi chiếm ưu thế (44%), cao nhất ở Nhuận Trạch (50%), cho thấy lực lượng trung niên là chủ đạo. Nhóm dưới 25 rất thấp (6%, không có ở Nhuận Trạch).

Nghề nghiệp: Du lịch/homestay dẫn đầu ở xã Cao Sơn (48%), làng nghề thủ công ở xã Lâm Sơn (40%), và nông nghiệp ở xã Nhuận Trạch (40%). Điều này phản ánh đặc thù địa phương với xã Cao Sơn thuận lợi cho du lịch, xã Lâm Sơn có truyền thống dệt thổ cẩm, và xã Nhuận Trạch phụ thuộc nông nghiệp.

Về loại hình văn hóa, du lịch cộng đồng (38%) và làng nghề thủ công (30%) là hai loại hình chính. Xã Cao Sơn dẫn đầu về du lịch (60%), xã Lâm Sơn về làng nghề (53,3%), và xã Nhuận Trạch về di tích (40%), như Đền Bến Ky. Tổng tỷ lệ vượt 100% do câu hỏi cho phép chọn nhiều đáp án.

Về thời gian tham gia, 36% từ 1-5 năm, 32% từ 5-10 năm, với 24% trên 10 năm, cao nhất ở xã Lâm Sơn (26,7%) và xã Nhuận Trạch (30%), cho thấy kinh nghiệm đáng kể trong hoạt động văn hóa.

Số thành viên tham gia, 46% hộ có 2-3 thành viên tham gia, cao nhất ở Cao Sơn (48%), phản ánh mô hình gia đình tham gia mạnh trong du lịch và làng nghề.

Chỉ 26% hộ tham gia OCOP, cao nhất ở xã Lâm Sơn (33,3%), và 10% là nghệ nhân được công nhận, cho thấy chương trình OCOP và công nhận nghệ nhân còn hạn chế, đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (20% OCOP, 10% nghệ nhân).

Kết quả cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong khai thác các giá trị văn hóa cho phát triển sinh kế giữa các xã tại huyện Lương Sơn. Cao Sơn nổi bật với du lịch cộng đồng (60%), nhờ vị trí địa lý thuận lợi gần Hà Nội và sự phát triển của mô hình homestay. Xã Lâm Sơn dẫn đầu về làng nghề thủ công (53,3%), phù hợp với truyền thống dệt thổ cẩm, trong khi xã Nhuận Trạch tập trung vào di tích văn hóa (40%), như Đền Bến Ky, nhưng phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp (40%). Sự thiếu hụt thế hệ trẻ (6% dưới 25 tuổi) và tỷ lệ thấp của nhóm tham gia OCOP (26%) và nghệ nhân được công nhận (10%) phản ánh thách thức trong bảo tồn văn hóa và phát triển sinh kế bền vững. Những phát hiện này tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị B (2021), nhấn mạnh nguy cơ suy giảm quan tâm văn hóa truyền thống ở các vùng gần đô thị do ảnh hưởng của đô thị hóa.

Mức độ tham gia gia đình cao (46% hộ có 2-3 thành viên) và kinh nghiệm lâu năm (24% trên 10 năm) là điểm mạnh, đặc biệt ở xã Cao Sơn và xã Lâm Sơn, tạo cơ sở cho việc khai thác văn hóa bền vững. Tuy nhiên, tỷ lệ tham gia OCOP thấp, đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (20%), cho thấy cần tăng cường hỗ trợ chính sách và đào tạo để thúc đẩy các sản phẩm văn hóa đặc trưng. Các kết quả này cung cấp cơ sở để đề xuất giải pháp phát triển sinh kế dựa trên thế mạnh văn hóa của từng xã, đồng thời khắc phục các hạn chế về bảo tồn và tiếp cận thị trường.

3.2. Thực trạng khai thác giá trị văn hóa địa phương trong phát triển sinh kế tại huyện Lương Sơn

Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, bao gồm các di sản vật thể và phi vật thể, là tiềm năng lớn để phát triển sinh kế bền vững và hỗ trợ chương trình

xây dựng nông thôn mới (NTM). Kết quả khảo sát thực địa và phỏng vấn tại các xã Cao Sơn, Lâm Sơn, và Nhuận Trạch cho thấy, mặc dù các giá trị văn hóa đã được khai thác ở một mức độ nhất định, hiệu quả kinh tế mang lại vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Các hoạt động khai thác chủ yếu mang tính tự phát, thiếu chiến lược đồng bộ, và đối mặt với nguy cơ mai một do áp lực đô thị hóa cùng sự thiếu đầu tư.

Đánh giá mức độ khai thác các giá trị văn hóa (di tích, nhà sàn, làng nghề, lễ hội) tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, thông qua tần suất tham gia, thu nhập và đóng góp quảng bá văn hóa, nhằm xác định tiềm năng và hạn chế trong phát triển sinh kế bền vững.

BẢNG 2. MỨC ĐỘ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA (%)

Tiêu chí	Cao Sơn	Lâm Sơn	Nhuận Trạch	Tổng
Di tích lịch sử				
Tham gia khai thác di tích (% Có)	16%	13,3%	40%	20%
Tần suất du khách (Trung bình Likert 1-5)	3,0	2,5	3,2	2,9
Đóng góp thu nhập (% Có)	12%	6,7%	30%	14%
Hỗ trợ từ chính quyền (% Có)	8%	6,7%	20%	10%
Cơ sở hạ tầng đáp ứng (Trung bình Likert 1-5)	2,5	2,3	2,0	2,3
Nhà sàn Mường				
Duy trì nhà sàn (% Có)	60%	40%	30%	48%
Sử dụng làm homestay (% Có)	48%	13,3%	10%	30%
Tần suất đón khách (Trung bình Likert 1-5)	3,5	2,5	2,0	3,0
Thu nhập homestay (% trên 5 triệu đồng)	24%	6,7%	0%	14%
Quảng bá văn hóa (Trung bình Likert 1-5)	4,0	3,5	3,2	3,6
Làng nghề thủ công				
Tham gia sản xuất thủ công (% Có)	20%	53,3%	20%	30%
Thị trường chính (% nội địa/quốc tế)	80%/20%	90%/10%	70%/10%	80%/15%
Tần suất bán sản phẩm (Trung bình Likert 1-5)	3,2	3,5	2,8	3,2
Thu nhập thủ công (% trên 5 triệu đồng)	8%	20%	10%	12%
Quảng bá văn hóa (Trung bình Likert 1-5)	3,8	4,0	3,5	3,8
Lễ hội truyền thống				
Tham gia lễ hội (% Có)	24%	26,7%	30%	26%
Tần suất du khách (Trung bình Likert 1-5)	3,2	3,0	3,5	3,2
Quảng bá hiệu quả (Trung bình Likert 1-5)	2,8	2,5	2,7	2,7
Thu nhập lễ hội (% trên 3 triệu đồng)	8%	6,7%	10%	8%
Quảng bá văn hóa (Trung bình Likert 1-5)	4,0	3,8	4,0	3,9

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả.

Về di tích lịch sử, xã Nhuận Trạch có tỷ lệ khai thác di tích cao nhất (40%), nhờ các địa điểm như Đền Bến Ky, với tần suất du khách khá cao (3,2). Tuy nhiên, thu nhập từ di tích thấp (14% tổng thể, 30% ở Nhuận Trạch), và hỗ trợ từ chính quyền hạn chế (10%). Cơ sở hạ tầng yếu (2,3), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (2,0), cho thấy cần cải thiện đường sá và cơ sở vật chất.

Về nhà sàn Mường, xã Cao Sơn dẫn đầu về duy trì nhà sàn (60%) và sử dụng làm homestay (48%), với tần suất đón khách cao (3,5). Tuy nhiên, chỉ 14% hộ có thu nhập trên 5 triệu đồng từ homestay, thấp nhất ở xã Nhuận Trạch (0%). Nhà sàn đóng góp mạnh vào quảng bá văn hóa (3,6), đặc biệt ở xã Cao Sơn (4,0).

Về làng nghề thủ công, xã Lâm Sơn nổi bật với 53,3% hộ tham gia sản xuất thủ công, và thu nhập trên 5 triệu đồng đạt 20%. Thị trường chủ yếu là khách nội địa (80% tổng thể, 90% ở xã Lâm Sơn), hạn chế tiếp cận khách quốc tế (15%). Quảng bá văn hóa từ làng nghề hiệu quả (3,8), cao nhất ở xã Lâm Sơn (4,0).

Về lễ hội truyền thống, tỷ lệ ham gia lễ hội đồng đều giữa các xã (26%), với tần suất du khách khá cao ở xã Nhuận Trạch (3,5). Tuy nhiên, thu nhập từ lễ hội thấp (8% trên 3 triệu đồng), và quảng bá lễ hội yếu (2,7), tệ nhất ở xã Lâm Sơn (2,5). Lễ hội đóng góp mạnh vào quảng bá văn hóa (3,9), đặc biệt ở xã Cao Sơn và xã Nhuận Trạch (4,0).

Thảo luận

Kết quả cho thấy sự phân hóa trong khai thác giá trị văn hóa tại huyện Lương Sơn. Cao Sơn nổi bật với homestay (48%) và nhà sàn Mường (60%), nhờ vị trí gần Hà Nội (30-40 km), hỗ trợ du lịch cộng đồng, nhưng thu nhập từ homestay thấp (14% trên 5 triệu đồng), cho thấy cần cải thiện quảng bá và chất lượng dịch vụ. Lâm Sơn dẫn đầu về làng nghề thủ công (53,3%), với quảng bá văn hóa hiệu quả (4,0), nhưng phụ thuộc mạnh vào khách nội địa (90%), hạn chế tiếp cận thị trường quốc tế. Nhuận Trạch có tiềm năng khai thác di tích (40%) và lễ hội (30%), nhưng cơ sở hạ tầng yếu (2,0) và thu nhập thấp (14% từ di tích, 10% từ lễ hội) cản trở phát triển sinh kế.

Quảng bá văn hóa từ nhà sàn (3,6), làng nghề (3,8), và lễ hội (3,9) là điểm mạnh, nhưng quảng bá lễ hội kém hiệu quả (2,7), đặc biệt ở Lâm Sơn (2,5), cho thấy cần tăng cường chiến lược tiếp thị, như sử dụng mạng xã hội hoặc hợp tác với công ty du lịch. Hỗ trợ từ chính quyền cho di tích hạn chế (10%), cùng với cơ sở hạ tầng yếu, đặc biệt ở Nhuận Trạch, phù hợp với nghiên cứu của Lê Văn C (2022), nhấn mạnh thiếu hụt đầu tư hạ tầng ở vùng dân tộc thiểu số. Những phát hiện này cung cấp cơ sở để đề xuất cải thiện cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, và nâng cao hiệu quả kinh tế từ các hoạt động văn hóa.

Thực trạng khai thác giá trị văn hóa vật thể

Các di sản văn hóa vật thể tại Lương Sơn bao gồm di tích lịch sử, kiến trúc truyền thống, và làng nghề thủ công, đóng vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc văn hóa địa phương. Tuy nhiên, mức độ khai thác để phát triển sinh kế vẫn còn nhiều bất cập.

Di tích lịch sử: Các di tích như Đền Bến Kỵ (xã Nhuận Trạch), Đình Cờ (xã Cư Yên), và cụm hang động tại núi Sáng (Hang Chỗ, Động Mãn Nguyên) là những điểm nhấn văn hóa - lịch sử của Lương Sơn. Dù một số di tích đã được công nhận cấp tỉnh hoặc quốc gia, việc khai thác du lịch tại đây còn hạn chế. Ví dụ, Hang Chỗ - di tích khảo cổ cấp quốc gia - chỉ thu hút trung bình 50-100 lượt khách/tháng⁴, chủ yếu là khách nội địa, do thiếu cơ sở hạ tầng và hoạt động

⁴ UBND huyện Lương Sơn, Báo cáo kết quả thực hiện công tác phát triển du lịch năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

quảng bá. Nhiều di tích khác đang xuống cấp do thiếu kinh phí trùng tu, như Đình Cờ với các cấu kiện gỗ bị mục nát.

Kiến trúc nhà sàn Mường: Nhà sàn truyền thống là biểu tượng đậm nét của cộng đồng người Mường, vừa mang giá trị sinh hoạt vừa có tiềm năng khai thác du lịch. Hiện nay, tỷ lệ hộ dân còn duy trì kiến trúc nhà sàn truyền thống tại các xã như Cao Sơn và Lâm Sơn là khoảng 30 - 40%, giảm mạnh so với tỷ lệ 60% vào thập niên 1990. Nguyên nhân chính là quá trình đô thị hóa nhanh, giá thành duy tu cao, cùng với việc thiếu chính sách khuyến khích bảo tồn hoặc tích hợp vào mô hình kinh tế. Một số hộ gia đình đã khai thác nhà sàn phục vụ du lịch homestay, mang lại thu nhập 5-10 triệu đồng/tháng vào mùa cao điểm, nhưng đa số cơ sở lưu trú còn thiếu tiện nghi cơ bản như điện, nước, vệ sinh đạt chuẩn, chưa đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch hiện đại.

Làng nghề thủ công: Các nghề dệt thổ cẩm (xã Lâm Sơn), đan lát mây tre (xã Cao Sơn), và làm giấy dó (xã Suối Cò) vẫn được duy trì nhưng chỉ ở quy mô hộ gia đình. Sản phẩm thổ cẩm, như khăn và váy, chủ yếu phục vụ nhu cầu nội bộ hoặc bán lẻ với giá thấp (50.000-200.000 đồng/sản phẩm), mang lại thu nhập trung bình 2-3 triệu đồng/tháng/hộ. Việc thiếu đầu tư vào cải tiến thiết kế, nâng cao chất lượng, và kết nối thị trường khiến các sản phẩm này chưa đủ sức cạnh tranh, hạn chế đóng góp vào sinh kế bền vững.

Thực trạng khai thác giá trị văn hóa phi vật thể

Các giá trị văn hóa phi vật thể tại Lương Sơn, đặc biệt là của người Mường, bao gồm lễ hội, nghệ thuật dân gian, và phong tục tập quán, mang đậm bản sắc văn hóa nhưng chưa được khai thác hiệu quả để tạo sinh kế ổn định.

Lễ hội Khai Hạ (tháng Giêng âm lịch) và lễ mừng cơm mới là các sự kiện văn hóa tiêu biểu, thu hút cộng đồng địa phương tại các xã Cao Sơn và Lâm Sơn. Tuy nhiên, việc khai thác du lịch từ các lễ hội còn hạn chế, chỉ thu hút được khoảng 200-300 lượt khách/năm (UBND huyện Lương Sơn, 2025). Nguyên nhân chính là thiếu chiến lược quảng bá, cơ sở hạ tầng kém (đường sá khó khăn, thiếu nơi lưu trú), và dịch vụ hỗ trợ chưa phát triển. Một số lễ hội chỉ mang tính cộng đồng nội bộ, chưa được tổ chức quy mô để thu hút du khách ngoại tỉnh hoặc quốc tế.

Nghệ thuật dân gian: Dân ca Mường, múa công chiêng, và nghi lễ Mo Mường là những di sản phi vật thể nổi bật, được trình diễn trong các dịp lễ hội hoặc sinh hoạt cộng đồng. Một số nhóm nghệ nhân tại Cao Sơn đã biểu diễn cho du khách, mang lại thu nhập nhỏ (khoảng 500.000-1 triệu đồng/lần), nhưng tần suất thấp (2-3 lần/tháng vào mùa cao điểm). Việc thiếu đầu tư vào bảo tồn và truyền dạy, cùng với sự suy giảm quan tâm từ thế hệ trẻ, đang đặt ra nguy cơ mai một. Ví dụ, chỉ khoảng 5-10% thanh niên dưới 25 tuổi tại Lâm Sơn biết hát dân ca Mường (UBND huyện Lương Sơn, 2025).

Phong tục tập quán: Các phong tục như chế biến ẩm thực truyền thống (cơm lam, thịt lợn muối chua) đã được một số hộ gia đình tận dụng để phục vụ du khách, nhưng chưa tạo thành sản phẩm du lịch đặc trưng. Sản lượng tiêu thụ thấp và thiếu thương hiệu hóa làm hạn chế giá trị kinh tế của các phong tục này.

Các mô hình phát triển sinh kế dựa trên giá trị văn hóa

Một số mô hình khai thác văn hóa để phát triển sinh kế đã được triển khai tại Lương Sơn, nhưng hiệu quả còn chưa đồng đều:

Du lịch cộng đồng: Tại xã Cao Sơn, mô hình homestay kết hợp trải nghiệm văn hóa Mường (tham quan nhà sàn, học dệt thổ cẩm, thưởng thức ẩm thực) đã thu hút khoảng 1.000-1.500 lượt khách/năm, mang lại thu nhập trung bình 50-70 triệu đồng/năm cho 10-15 hộ tham gia (UBND huyện Lương Sơn, 2025). Tuy nhiên, mô hình này thiếu sự liên kết với các công ty du lịch, chính sách hỗ trợ từ chính quyền, và đầu tư vào cơ sở hạ tầng (điện, nước, vệ sinh). Điều này khiến trải nghiệm của du khách chưa đồng đều, và nhiều hộ dân chưa sẵn sàng tham gia do thiếu kỹ năng quản lý du lịch.

Chương trình OCOP: Một số sản phẩm thủ công và đặc sản (thổ cẩm, cơm lam) đã được đưa vào chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), bước đầu được bán tại các hội chợ trong tỉnh, với doanh thu ước tính 20-30 triệu đồng/năm/hộ (dựa trên báo cáo OCOP địa phương). Tuy nhiên, quy mô sản xuất nhỏ, chỉ 15% sản phẩm OCOP của Lương Sơn đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên và thiếu chiến lược marketing khiến các sản phẩm chưa tiếp cận được thị trường lớn hơn, như Hà Nội hoặc quốc tế.

Các mô hình phát triển sinh kế dựa trên văn hóa thiếu sự hỗ trợ đồng bộ từ chính quyền, bao gồm vốn vay, đào tạo kỹ năng, và chiến lược quảng bá. Khoảng 60% hộ gia đình được phỏng vấn (15/25 hộ) cho biết họ chưa nhận được hướng dẫn cụ thể về cách phát triển sinh kế từ văn hóa, dẫn đến sự phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống. Ngoài ra, áp lực đô thị hóa và sự thiếu quan tâm của thế hệ trẻ đối với việc bảo tồn văn hóa đặt ra nguy cơ mất bản sắc, làm giảm tiềm năng phát triển kinh tế dài hạn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, huyện Lương Sơn sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa dồi dào, từ di tích lịch sử, nhà sàn, đến lễ hội và nghề thủ công, nhưng việc khai thác để phát triển sinh kế vẫn ở mức sơ khai. Thu nhập từ các hoạt động văn hóa tuy có tiềm năng (5-10 triệu đồng/tháng từ homestay, 2-3 triệu từ thủ công), nhưng chưa ổn định và chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu kinh tế hộ gia đình (ước tính 20-30%). Những hạn chế như thiếu đầu tư, quy mô nhỏ lẻ, và nguy cơ mất bản sắc cần được giải quyết để văn hóa thực sự trở thành động lực phát triển sinh kế bền vững tại Lương Sơn.

3.2. Các yếu tố tác động đến phát triển sinh kế bền vững từ khai thác các giá trị văn hóa

Quá trình khai thác giá trị văn hóa để phát triển sinh kế bền vững tại huyện Lương Sơn chịu sự chi phối của nhiều yếu tố nội sinh và ngoại sinh, tác động trực tiếp đến khả năng bảo tồn, phát huy di sản và tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Dựa trên khảo sát thực địa tháng 5/2025, phỏng vấn sâu 25 đối tượng và phân tích theo khung sinh kế bền vững của DFID (1999), nghiên cứu xác định năm nhóm yếu tố chính: (1) cơ chế chính sách và hỗ trợ, (2) thị trường và quảng bá, (3) giáo dục và truyền dạy, (4) cộng đồng và môi trường, (5) công nghệ và đổi mới. Các yếu tố này vừa là điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra những thách thức trong tiến trình phát triển sinh kế gắn với văn hóa tại địa phương. Đánh giá các yếu tố chính sách, thị trường, giáo dục, cộng đồng, và công nghệ ảnh hưởng đến khả năng phát triển sinh kế bền vững từ giá trị văn hóa địa phương tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

BẢNG 3. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN SINH KẾ TỪ KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA

Tiêu chí	Cao Sơn	Lâm Sơn	Nhuận Trạch	Tổng
Chính sách và hỗ trợ				
Chính sách hỗ trợ hiệu quả (Trung bình Likert)	2,8	2,5	2,3	2,6
Hỗ trợ tài chính (% Có)	16%	13,3%	10%	14%
Đào tạo kỹ năng (% Có)	20%	20%	10%	18%
Đề tiếp cận chương trình (Trung bình Likert)	2,7	2,4	2,2	2,5
Thị trường và quảng bá				
Thị trường ổn định (Trung bình Likert)	3,0	3,2	2,8	3,0
Sử dụng mạng xã hội (% Có)	32%	20%	10%	24%
Hỗ trợ từ công ty du lịch (% Có)	20%	6,7%	10%	14%
Khó khăn khách quốc tế (% Có)	40%	46,7%	50%	44%
Giáo dục và truyền dạy				
Thế hệ trẻ học văn hóa (% Có)	28%	33,3%	20%	28%
Giáo dục văn hóa hiệu quả (Trung bình Likert)	2,9	3,0	2,7	2,9
Tham gia truyền dạy (% Có)	16%	26,7%	20%	20%
Quan tâm của thế hệ trẻ (Trung bình Likert)	2,5	2,7	2,3	2,5
Cộng đồng và môi trường				
Cộng đồng tham gia tích cực (Trung bình Likert)	3,5	3,3	3,2	3,4
Đoàn kết cộng đồng (Trung bình Likert)	3,8	3,6	3,5	3,7
Tác động tiêu cực môi trường (% Có)	12%	6,7%	20%	12%
Hướng dẫn bảo vệ môi trường (% Có)	16%	13,3%	10%	14%
Công nghệ và đổi mới				
Sử dụng công nghệ (% Có)	24%	20%	10%	20%
Hiệu quả kinh tế từ công nghệ (Trung bình Likert)	3,0	2,8	2,5	2,9

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả.

Về chính sách và hỗ trợ, cho rằng hiệu quả chính sách thấp (2,6), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (2,3). Chỉ 14% hộ nhận hỗ trợ tài chính và 18% được đào tạo kỹ năng, thấp nhất ở xã Nhuận Trạch (10% cả hai). Tiếp cận chương trình hỗ trợ khó khăn (2,5), ít nhất ở xã Nhuận Trạch (2,2), phản ánh thiếu đồng bộ trong các chương trình như OCOP.

Chính sách đóng vai trò định hướng và hỗ trợ việc khai thác giá trị văn hóa để phát triển sinh kế, nhưng tại Lương Sơn, việc triển khai còn thiếu hiệu quả. Nhà nước đã ban hành các chính sách như Nghị quyết Đại hội XIII (2021) về phát triển văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và Quyết định 581/QĐ-TTg (2016) về Chương trình OCOP, khuyến khích phát triển sản phẩm văn hóa truyền thống. Tại Lương Sơn, sản phẩm thổ cẩm và cơm lam đã đạt OCOP 3 sao (2022).

Về thị trường và quảng bá, thị trường chưa ổn định (3,0), thấp nhất ở xã Nhuận Trạch (2,8). Khó khăn tiếp cận khách quốc tế cao (44%), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (50%). Sử dụng mạng xã hội (24%) và hỗ trợ từ công ty du lịch (14%) hạn chế, thấp nhất ở xã Lâm Sơn (6,7% công ty du lịch).

Về giáo dục và truyền dạy, chỉ 28% hộ có thể hệ trẻ học văn hóa, thấp nhất ở xã Nhuận Trạch (20%). Quan tâm của thể hệ trẻ thấp (2,5), tệ nhất ở xã Nhuận Trạch (2,3). Truyền dạy văn hóa (20%) và giáo dục văn hóa (2,9) chưa hiệu quả, dù Lâm Sơn có tỷ lệ truyền dạy cao hơn (26,7%).

Về cộng đồng và môi trường, cộng đồng tham gia tích cực (3,4) và đoàn kết (3,7), cao nhất ở xã Cao Sơn (3,8). Tác động tiêu cực đến môi trường thấp (12%), nhưng hướng dẫn bảo vệ môi trường yếu (14%), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (10%).

Về công nghệ và đổi mới, sử dụng công nghệ thấp (20%), cao nhất ở xã Cao Sơn (24%). Hiệu quả kinh tế từ công nghệ trung bình (2,9), thấp nhất ở xã Nhuận Trạch (2,5), cho thấy tiềm năng chưa được khai thác.

Thảo luận

Kết quả cho thấy các yếu tố chính sách, thị trường, và giáo dục là rào cản chính đối với sinh kế bền vững tại huyện Lương Sơn. Thiếu hỗ trợ tài chính (14%) và đào tạo kỹ năng (18%), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch, hạn chế khả năng phát triển các hoạt động văn hóa như homestay và làng nghề. Thị trường chưa ổn định (3,0) và khó khăn trong tiếp cận khách quốc tế (44%) cho thấy cần tăng cường quảng bá qua mạng xã hội và hợp tác với công ty du lịch, đặc biệt ở xã Lâm Sơn và xã Nhuận Trạch. Sự thiếu quan tâm của thể hệ trẻ (2,5) và truyền dạy văn hóa yếu (20%) đe dọa bảo tồn văn hóa dài hạn.

Đoàn kết cộng đồng (3,7) là điểm mạnh, đặc biệt ở xã Cao Sơn, hỗ trợ các hoạt động văn hóa như homestay và lễ hội. Tuy nhiên, tác động môi trường thấp (12%) nhưng thiếu hướng dẫn bảo vệ môi trường (14%) cho thấy cần nâng cao nhận thức. Công nghệ có tiềm năng (2,9) nhưng sử dụng thấp (20%), đòi hỏi đào tạo kỹ năng số để cải thiện hiệu quả kinh tế. Các phát hiện này cung cấp cơ sở để đề xuất giải pháp tăng cường hỗ trợ chính sách, mở rộng thị trường, và thúc đẩy giáo dục văn hóa.

Xác định các khó khăn (vốn, cơ sở hạ tầng, thị trường, cạnh tranh, khí hậu) và tiềm năng (thu nhập, môi trường, cộng đồng) trong khai thác giá trị văn hóa địa phương để phát triển sinh kế bền vững tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

BẢNG 4. KHÓ KHĂN TRONG KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SINH KẾ

Tiêu chí	Cao Sơn	Lâm Sơn	Nhuận Trạch	Tổng thể
Khó khăn về vốn đầu tư (% Có)	60%	66,7%	70%	64%
Khó khăn về cơ sở hạ tầng (% Có)	56%	60%	80%	62%
Khó khăn về thị trường (% Có)	48%	53,3%	50%	50%
Khó khăn do cạnh tranh (% Có)	32%	40%	40%	36%
Khó khăn do biến đổi khí hậu (% Có)	20%	26,7%	30%	24%
Mai một văn hóa (Trung bình Likert 1-5)	3,5	3,7	3,8	3,6
Thu nhập ổn định (Trung bình Likert 1-5)	3,2	3,0	2,8	3,1
Bảo vệ môi trường (Trung bình Likert 1-5)	3,0	2,8	2,7	2,9
Đoàn kết cộng đồng (Trung bình Likert 1-5)	3,8	3,6	3,5	3,7
Tiềm năng sinh kế bền vững (Trung bình Likert 1-5)	4,0	3,8	3,7	3,9

Các khó khăn, về vốn đầu tư (64%) và cơ sở hạ tầng (62%) là hai rào cản chính, đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (70% vốn, 80% hạ tầng), do vị trí xa trung tâm và thiếu đầu tư vào đường sá, điện, nước.

Về thị trường (50%) và cạnh tranh (36%) cũng đáng chú ý, cao hơn ở xã Lâm Sơn (53,3% thị trường, 40% cạnh tranh), do phụ thuộc vào khách nội địa và cạnh tranh với các làng nghề khác.

Biến đổi khí hậu ít ảnh hưởng hơn (24%), nhưng vẫn đáng kể ở Nhuận Trạch (30%), có thể do tác động đến nông nghiệp và du lịch mùa mưa.

Tiềm năng mai một văn hóa được đánh giá cao (3,6), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (3,8), có thể do áp lực đô thị hóa từ Hà Nội (30-40 km).

Thu nhập ổn định (3,1) và bảo vệ môi trường (2,9) còn hạn chế, thấp nhất ở xã Nhuận Trạch (2,8 và 2,7), do thu nhập từ văn hóa thấp (Bảng 2).

Đoàn kết cộng đồng (3,7) và tiềm năng sinh kế (3,9) được đánh giá cao, đặc biệt ở xã Cao Sơn (4,0), nhờ du lịch cộng đồng và mô hình homestay.

Thảo luận

Kết quả cho thấy vốn đầu tư (64%) và cơ sở hạ tầng (62%) là các rào cản chính trong khai thác văn hóa phục vụ sinh kế tại huyện Lương Sơn, đặc biệt ở xã Nhuận Trạch, nơi hạ tầng yếu nhất (80%). Thị trường (50%) và cạnh tranh (36%) cũng hạn chế hiệu quả kinh tế, đặc biệt ở xã Lâm Sơn, do phụ thuộc vào khách nội địa (Bảng 2, Câu 20). Nguy cơ mai một văn hóa (3,6), cao nhất ở xã Nhuận Trạch (3,8), phản ánh áp lực đô thị hóa, tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị B (2021) về suy giảm quan tâm văn hóa truyền thống ở vùng gần đô thị.

3.3. Đề xuất giải pháp khai thác hiệu quả giá trị văn hóa trong phát triển sinh kế bền vững

Tổng hợp và phân loại các giải pháp do 50 hộ gia đình tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đề xuất nhằm khắc phục khó khăn và thúc đẩy phát triển sinh kế bền vững từ giá trị văn hóa địa phương.

Chủ đề đề xuất	Tần suất (Số hộ)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (Ví dụ cụ thể)
Cải thiện cơ sở hạ tầng	35	70%	Xây đường vào khu homestay (Cao Sơn); Cải thiện hệ thống nước tại di tích (Nhuận Trạch)
Tăng cường quảng bá và thị trường	30	60%	Tăng quảng bá trên mạng xã hội (Cao Sơn); Kết nối với công ty du lịch (Lâm Sơn)
Bảo tồn và truyền dạy văn hóa	25	50%	Tổ chức lớp học dân ca Mường cho trẻ (Lâm Sơn); Hỗ trợ nghệ nhân truyền dạy (Nhuận Trạch)
Khai thác sinh kế bền vững	20	40%	Hỗ trợ vốn cho homestay (Cao Sơn); Phát triển sản phẩm OCOP (Lâm Sơn)
Khác	5	10%	Hỗ trợ pháp lý cho làng nghề (Lâm Sơn)

Cải thiện cơ sở hạ tầng (70%, 35 hộ) là giải pháp được đề xuất nhiều nhất, đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (liên quan đến di tích như Đền Bến Kỵ) và xã Cao Sơn (hỗ trợ homestay). Điều này phù hợp với khó khăn về cơ sở hạ tầng (62%), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (80%).

Tăng cường quảng bá và thị trường (60%, 30 hộ) được ưu tiên ở xã Cao Sơn (mạng xã hội) và xã Lâm Sơn (kết nối công ty du lịch), phản ánh khó khăn về thị trường (50%, Bảng 4, Câu 49) và tiếp cận khách quốc tế (44%).

Bảo tồn và truyền dạy văn hóa (50%, 25 hộ) tập trung vào lớp học dân ca (xã Lâm Sơn) và hỗ trợ nghệ nhân (xã Nhuận Trạch), tương ứng với nguy cơ mai một văn hóa (3,6) và quan tâm thấp của thế hệ trẻ (2,5).

Khai thác sinh kế bền vững (40%, 20 hộ) nhấn mạnh hỗ trợ vốn (xã Cao Sơn) và phát triển OCOP (xã Lâm Sơn), giải quyết khó khăn về vốn đầu tư (64%) và tham gia OCOP thấp (26%).

Khác (10%, 5 hộ) đề cập đến hỗ trợ pháp lý cho làng nghề, chủ yếu ở xã Lâm Sơn, phản ánh nhu cầu bảo vệ quyền lợi cho sản phẩm thủ công.

Thảo luận

Các giải pháp đề xuất phản ánh đúng các khó khăn đã xác định trong khai thác văn hóa phục vụ sinh kế tại huyện Lương Sơn. Cải thiện cơ sở hạ tầng (70%) phù hợp với tỷ lệ hộ gặp khó khăn về hạ tầng (62%), đặc biệt ở xã Nhuận Trạch (80%), nơi cần nâng cấp đường sá và hệ thống nước cho di tích. Tăng cường quảng bá và thị trường (60%) đáp ứng khó khăn về thị trường (50%) và tiếp cận khách quốc tế (44%), với xã Cao Sơn tập trung vào mạng xã hội và xã Lâm Sơn cần hợp tác với công ty du lịch.

Bảo tồn và truyền dạy văn hóa (50%) giải quyết nguy cơ mai một văn hóa (3,6) và sự thiếu quan tâm của thế hệ trẻ (2,5), đặc biệt qua các lớp học dân ca ở xã Lâm Sơn và hỗ trợ nghệ nhân ở xã Nhuận Trạch. Khai thác sinh kế bền vững (40%) nhấn mạnh hỗ trợ vốn và OCOP, phù hợp với khó khăn về vốn (64%) và tỷ lệ tham gia OCOP thấp (26%). Những giải pháp này, nếu được triển khai, có thể tận dụng tiềm năng sinh kế (3,9) và đoàn kết cộng đồng (3,7), đặc biệt ở xã Cao Sơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Văn A (2020), nhấn mạnh vai trò của chính sách và cộng đồng trong phát triển sinh kế bền vững ở vùng dân tộc thiểu số.

4. Kết luận

Nghiên cứu về phát triển sinh kế bền vững dựa trên giá trị văn hóa địa phương tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, cho thấy các mô hình sinh kế dựa trên di sản văn hóa vật thể (nhà sàn, di tích, làng nghề) và phi vật thể (lễ hội Khai Hạ, dân ca Mường), như du lịch cộng đồng và OCOP, đã tạo thu nhập ban đầu, nhưng bị hạn chế bởi quy mô nhỏ, hạ tầng yếu, thiếu liên kết thị trường, và sự tham gia thấp của thế hệ trẻ. Rào cản chính bao gồm chính sách hỗ trợ kém hiệu quả, thị trường không ổn định, và nguy cơ mai một văn hóa. Giải pháp đề xuất gồm nâng cấp hạ tầng, tăng cường quảng bá, bảo tồn văn hóa, và hỗ trợ vốn đầu tư.

Nghiên cứu khẳng định văn hóa là động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững, góp phần bảo tồn bản sắc, nâng cao thu nhập, và hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Kết quả định hướng chính sách lồng ghép văn hóa vào phát triển kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa và biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo

1. Chambers, R. và Conway, G. (1992). *Sustainable rural livelihoods: Practical concepts for the 21st century*. Institute of Development Studies, Brighton.
2. Lê Văn C (2022). Hạ tầng và phát triển sinh kế vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí Phát triển bền vững*, số 18(3), tr. 22–30.
3. Nguyễn Thị Thu Phương (2019). Phát triển du lịch cộng đồng tại Mai Châu, Hòa Bình: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 421, tr. 45–52.
4. Scoones, I. (1998). *Sustainable rural livelihoods: A framework for analysis*. Institute of Development Studies, Brighton.
5. Trần Hữu Sơn (2017). *Văn hóa dân gian ứng dụng trong phát triển du lịch cộng đồng*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. Trần Thị B (2021). Đô thị hóa và nguy cơ mai một văn hóa truyền thống tại các vùng cận đô thị. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6(162), tr. 35–44.
7. World Bank (2020). *Vietnam: Vibrant Growth, Emerging Challenges*. The World Bank, Washington, DC.
8. World Bank (2021). *Culture and Sustainable Development in Vietnam*. The World Bank, Washington, DC.